

Bản án số: 409/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 05 - 8- 2024

V/v: “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Văn Hôm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Bền

2. Ông Võ Minh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Th Mỹ Nhan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Thúy An - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 204/2024/TLST-HNGĐ, ngày 23 tháng 4 năm 2024 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 231/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2024. Giữa:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phan Th Th, sinh năm: 1989; địa chỉ: ấp Phú Thuận, xã Tây Phú, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang (có đơn xin vắng mặt)

3. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm: 1988; địa chỉ: ấp Hòa Tân, xã Hòa Hưng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phan Th Th trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn T tự tìm hiểu quen biết chung sống với nhau từ năm 2015, đến năm 2020 chị và anh T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tây Phú, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang theo quy định pháp luật.

Chị và anh T chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do chị và anh T không có tiếng nói chung trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra cự cãi. Chị và anh T đã sống ly thân từ tháng 9/2021 cho đến nay. Nhiều lần chị và anh T cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Nay chị và anh T không thể tiếp tục chung sống nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung chị Th xác định chị và anh T có một con chung tên Nguyễn Gia Bảo, sinh ngày 07/02/2016 hiện đang sống với chị. Chị Th yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu Bảo, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung chị Th không yêu cầu giải quyết.

Anh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án nhưng hết thời gian quy định vẫn không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã triệu tập anh T đến tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đến lần thứ hai và triệu tập đến tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng anh T vẫn vắng mặt, không rõ lý do.

Phát biểu quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng:

Về trình tự thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định về thụ lý vụ án, thẩm quyền giải quyết, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự, việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa đúng theo quy định, đối với người tham gia tố tụng đó thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bảo đảm quyền và nghĩa vụ của các bên đương sự. Tuy nhiên cũng còn một số vi phạm như: Chậm chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu.

Riêng bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Hôn nhân giữa chị Th và anh T là hợp pháp do có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Tây Phú, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang chứng nhận kết hôn. Chị Th cho rằng giữa chị và anh T chung sống đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân nhau cho đến nay vì vợ chồng không có tiếng nói chung thường xuyên xảy ra cự cãi, từ đó hạnh phúc gia đình không còn. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt văn bản cho anh T, mở phiên hòa giải tạo điều kiện để anh chị hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh T đều vắng mặt không có ý kiến trình bày, cũng không phản đối với yêu cầu của chị Th. Điều đó chứng tỏ vợ chồng đã không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, ly thân trong thời gian dài, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng của chị Th, anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích xây dựng hôn nhân lâu dài bền vững không đạt được nên chị Th yêu cầu ly hôn anh T là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận cho chị Th được ly hôn anh T.

Về con chung: Cháu Nguyễn Gia Bảo, sinh ngày 07/02/2016 hiện đang sống cùng chị Th, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng và không yêu cầu anh T cấp dưỡng. Anh T không phản đối và không có ý kiến gì về yêu cầu của chị Th. Cháu Bảo có nguyện vọng muốn sống với chị Th nên tiếp tục giao cho chị Th nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con chị Th không yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Th không yêu cầu và anh T cũng không có ý kiến gì nên đề nghị không xem xét, khi nào có tranh chấp sẽ khởi kiện giải quyết thành vụ kiện khác

Về án phí: Buộc chị Th phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Phan Th Th khởi kiện yêu cầu được ly hôn và yêu cầu được quyền nuôi con chung với anh Nguyễn Văn T nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con chung” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh T là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Chị Th có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt chị Th, anh T theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

- Về hôn nhân: Chị Th và anh T chung sống với nhau vào năm 2015, đến năm 2020 đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Tây Phú, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang chứng nhận kết hôn nên hôn nhân của anh, chị được xem là hợp pháp. Quá trình chung sống giữa chị Th và anh T phát sinh nhiều mâu thuẫn đã được chị Th xác định trong quá trình khởi kiện tại Tòa án. Riêng anh T không giao nộp văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Th. Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự: *“Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó”*. Nhưng anh Th không có ý kiến phản đối cũng như cung cấp tài liệu chứng cứ gì. Mặc dù, nguyên nhân mâu thuẫn theo trình bày của chị Th là do chị và anh T không có tiếng nói chung thường xuyên cự cãi nhau. Từ đó làm cho tình cảm vợ chồng rạn nứt, không còn thương yêu quan tâm lẫn nhau. Hiện tại giữa chị Th và anh T đã không còn chung sống vợ chồng nên có đủ căn cứ để chứng minh đời sống vợ chồng của anh chị không thể kéo dài, mục đích xây dựng hôn nhân lâu dài bền vững không đạt được. Và kể từ thời điểm chị Th khởi kiện, mặc dù Tòa án đã triệu tập anh T để hòa giải nhưng anh vắng mặt không có thiện chí hàn gắn. Xét thấy, chị Th và anh T đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng nên chị Th yêu cầu được ly hôn với anh T là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật

Hôn nhân và gia đình năm 2014. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Th được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Chị Th xác định chị và anh T có một con chung tên Nguyễn Gia Bảo, sinh ngày 07/02/2016 hiện đang sống với chị. Nay chị yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu của chị Th là có cơ sở chấp nhận - bởi lẽ xét thấy, cháu Bảo hiện sống với chị Th, cháu vẫn phát triển bình thường. Bản thân anh T cũng không có ý kiến phản đối cho rằng chị Th nuôi con không tốt nên đối với yêu cầu của chị Th về việc được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con là có căn cứ. Mặc khác tại văn bản thể hiện ý kiến thì cháu Bảo có nguyện vọng sống với chị Th. Vì vậy, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình, xử giao cháu Nguyễn Gia Bảo, sinh ngày 07/02/2016 cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh T được quyền đến thăm nom, chăm sóc, dạy dỗ con chung không ai có quyền cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ chung: Do chị Th, anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, khi nào có tranh chấp sẽ khởi kiện giải quyết thành vụ kiện khác.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Án phí ly hôn sơ thẩm chị Th phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị Th đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002715 ngày 22 tháng 4 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng (do Trần Chí Đình nộp thay). Chị Th đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm nên không phải nộp thêm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Phan Th Th được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Gia Bảo, sinh ngày 07/02/2016 cho chị Phan Th Th tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành (trừ trường hợp thay đổi quyền nuôi con theo quy định của pháp luật). Anh Nguyễn Văn T có quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, dạy dỗ con chung không ai có quyền cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phan Th Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Th đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0002715 ngày 22 tháng 4 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng (do Trần Chí Đĩnh nộp thay). Chị Th đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm nên không phải nộp thêm.

Báo cho các bên đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được tông đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu.

Dương Văn Hôm